

HÀM NGHI - MINH HÓA VÀ “SƠN TRIỀU” TRONG LÒNG DÂN

TS. NGUYỄN KHẮC THÁI

1. Địa bàn Minh Hóa, sự lựa chọn trong hình thể tư duy “Dĩ bất biến, ứng khả biến”

Sau khi đánh bại nhà Tây Sơn, giành quyền thống trị đất nước, đến giữa thế kỷ XIX, các triều vua đầu của nhà Nguyễn (Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và đầu đời Tự Đức), đã thi hành nhiều chính sách kinh tế - xã hội tiên bộ, tạo sự ổn định cho vương triều và sự an lạc trong xã hội.¹ Tuy nhiên, bên cạnh những thành công thì ngay từ những triều vua đầu của nhà Nguyễn cũng đã có những chính sách không phù hợp, hạn chế sự mở mang đất nước, nhất là trong xu thế giao thương quốc tế đang mở rộng trong khu vực. Nguyên cơ mất nước đã đẩy nội bộ giai cấp phong kiến phân chia thành 2 phái “chủ chiến” và “chủ hòa”.

Cùng đứng trên lập trường giai cấp phong kiến để giải quyết mâu thuẫn dân tộc nhưng phái “chủ chiến” muốn dựa vào phong kiến Trung Quốc để đánh đuổi bọn xâm lược mà họ gọi là “bạch quỷ”, còn phái chủ hòa thì chủ trương “chiến không bằng hòa”, “chống giặc duy thủ là hơn”.² Sự phân hóa làm hai phái “chủ chiến” và “chủ hòa”, nhất là thái độ nhu nhược, cầu an và đầu hàng của phái “chủ hòa” đã làm yếu đi sức kháng cự của triều đình và ít nhiều ảnh hưởng đến sức mạnh phong trào kháng Pháp của nhân dân. Mâu thuẫn giữa hai phái “chủ chiến” và “chủ hòa” đã chuyển từ những bất đồng về quan điểm chính trị, tư tưởng thành mâu thuẫn đối kháng trong hành động. Chính đây là nguyên nhân sâu xa bùng phát cuộc phản kháng của phái “chủ chiến” và sự biến kinh thành Huế ngày 5 tháng 7 năm 1885 đã dẫn đến sự ra đời của phong trào “Cần Vương” kể từ khi Tôn Thất Thuyết nhân danh Hàm Nghi ban hành bản lệnh dụ “Cần vương” vào ngày 13 tháng 7 năm 1885 tại Tân Sở, Quảng Trị.

Bản lệnh dụ hiệu triệu nhân dân cả nước ứng nghĩa “Cần Vương” khẳng định:

“Từ xưa, việc chống giặc không thể ra ngoài ba điều: giữ, hòa, chiến. Giữ

¹. Nhận định này trên cơ sở sự đồng thuận đánh giá về những thành tựu của triều Nguyễn tại hội thảo về triều Nguyễn tổ chức ở Thanh Hóa năm 2009.

². Đinh Xuân Lâm và cộng sự (2000), “Đại cương lịch sử Việt Nam”, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.20.

thì khó giữ được sức; hòa thì giặc đòi hỏi không biết thế nào là cùng, đánh thì chưa có cơ. Đang lúc thế sự thế ngàn vạn khó khăn như vậy, bắt đắ dĩ phải dùng quyền Thái dương ra đòi ở đất Kỳ, Huyện Tông qua đất Thục, cũng là việc từ xưa đã có...

...Trẫm tài hèn, đức mỏng, gặp biến cố không thể đối phó được, để thành bị bức xa giá tam cung phải rời xa, tội ở mình trẫm cả, thật là xấu hổ vô cùng. Nhưng chỉ có luân lý quan hệ với nhau, bách quan khanh sĩ không kể lớn nhỏ, tất không bỏ trẫm: kẻ trí hiến mưu, người dũng hiến sức, ai giàu có bỏ của ra giúp, đồng bào đồng chủng chớ nề nguy hiểm mới phải... Ấy là cái cơ hội này, phúc của tôn xã là phúc của thần dân, cùng lo với nhau thì cùng nghĩ với nhau, há chẳng tốt lắm ru?...³

Lệnh dụ Cần Vương ra đòi đánh dấu một bước ngoặt mới trong phong trào kháng Pháp của nhân dân ta thế kỷ XIX. Từ đây phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn được tổ chức và lãnh đạo thống nhất trong cả nước dưới danh nghĩa “Cần Vương”.

Để chuẩn bị căn cứ lâu dài cho cuộc kháng chiến chống Pháp, phe chủ chiến đã dày công xây dựng một sơn phòng ở những địa bàn trọng yếu, khởi đầu là Tân Sở, Quảng Trị.

Nhưng Tân Sở chưa phải là một địa bàn thuận lợi để hoạt động vì ở đây dân cư thưa thớt, đất đai khô cằn không thể hậu thuẫn vững vàng cho nghĩa quân về người cũng như về lương thực. Quan trọng hơn, Tân Sở sẽ như con đường cùng nếu địch chiếm được Cam Lộ. Về mặt quân sự, vị trí Tân Sở giống như một cái rọ không lối thoát mỗi khi bị bao vây.⁴

Ở vào vị thế như vậy thì rõ ràng Tân Sở không phải là địa bàn có thể đóng quân tính kế lâu dài, dời đến một địa điểm khác là thượng sách. Vì vậy, vua Hàm Nghi ở Tân Sở khoảng 4 đến 5 ngày, “sau đó Tôn Thất Thuyết hạ lệnh bỏ Tân Sở và đưa vua ra phía Bắc...”⁵

Ngay khi biết được Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi lên Tân Sở rồi lại tính đường đưa vua ra Bắc, thực dân Pháp mở cuộc hành quân từ Trung Kỳ ra

³. Phạm Văn Sơn (1956), “Việt sử tân biên. Cách mạng cận đại sử. T.V”, Tủ sách sử học Việt Nam, Sài Gòn, 1963, tr.45-46. Sách “Lịch sử Việt Nam 1858-1896” của Vũ Huy Phúc, Phạm Quang Trung, Nguyễn Ngọc Cơ, Nxb KHXH, Hà Nội, 2003, tr.610 ghi niên đại bản dụ này là “Hàm Nghi nguyên niên”. Chúng tôi thấy niên đại này không đúng, thời điểm này triều Hàm Nghi đã bước sang năm thứ hai.

⁴. Vũ Huy Phúc, Phạm Quang Trung, Nguyễn Ngọc Cơ (2003), “Lịch sử Việt Nam 1858-1896”, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.610.

⁵. Phạm Văn Sơn (1956). “Việt sử tân biên. Cách mạng cận đại sử. T.VI”, Tủ sách sử học Việt Nam, Sài Gòn, 1963, tr.50.

và từ Bắc Kỳ vào miền Trung nhằm truy bắt Tôn Thất Thuyết và Hàm Nghi, còn nếu không thì cũng ngăn chặn đường ra Bắc của nhà vua. Ngày 22 tháng 11 năm 1885, chúng cũng cho mở một cuộc hành quân theo đường biển từ Ninh Bình đánh vào. Qua mỗi tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình lực lượng này đều nhận được lệnh dừng lại để càn quét, đánh phá các Sơn phòng được xây dựng ở các tỉnh này khiến Tôn Thất Thuyết không thể tiến quân theo kế hoạch được nữa, Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi quay ngược trở lại Tân Sở thì lúc này địch đã chiếm được thành Cam Lộ. Đoàn hộ giá Hàm Nghi vội vàng rời Tân Sở theo đường núi để ra phía Bắc, bỏ lại rất nhiều của cải. Nghĩa quân ngược lên Mai Lĩnh, Lao Bảo theo đường Trường Sơn đến đồn Chấn Lào. Ngày 31 tháng 7 năm 1885, vua Hàm Nghi rời Chấn Lào đến Bờ Cạn - một địa điểm nằm ở phía Bắc sông Cửu Long, cách Sơn phòng Hà Tĩnh chừng 7 ngày đường. Đầu tháng 9 năm 1885, sau nhiều ngày trèo đèo lội suối trên đất Lào, vua Hàm Nghi và đoàn tùy tùng đến được vùng Hàm Thao, gần Sơn phòng Hà Tĩnh. Đầu tháng 11 năm 1885, biết tin Hàm Nghi ở lại Hà Tĩnh, quân Pháp đã tổ chức lực lượng tiến đánh Sơn phòng Hà Tĩnh để bắt nhà vua nhằm dập tắt phong trào kháng chiến. Trước tình hình đó, vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết từ Sơn phòng ở Hà Tĩnh đã lui vào Bãi Đức huyện Tuyên Hóa, Quy Đạt huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình và chọn nơi đây làm căn cứ mới của phong trào Cần Vương. Từ đây, mảnh đất Quảng Bình đã trở thành “Kinh đô kháng chiến” của phong trào Cần Vương thời Hàm Nghi xuất bôn (1885 - 1888).⁶

Sau khi chuyển “Sơn triều Hàm Nghi” từ Hà Tĩnh vào Tuyên Hóa, Minh Hóa địa bàn Quảng Bình trở thành trung tâm đầu não của phong trào “Cần Vương” trong cả nước. Ngày 19 tháng 7 năm 1885, thực dân Pháp chính thức đánh chiếm Đồng Hới, từ đây làm căn cứ bao vây, truy bắt Sơn triều Hàm Nghi, đàn áp phong trào Cần Vương. Nhân dân khắp các địa phương trong tỉnh Quảng Bình đã dấy lên phong trào đấu tranh chống Pháp rất sôi nổi. Việc “Sơn triều Hàm Nghi” đứng vững trước các cuộc tấn công, truy quét quy mô của thực dân Pháp đã khích lệ tinh thần chiến đấu chống Pháp của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

2. Sơn triều trong lòng dân

Căn cứ địa của vua Hàm Nghi cơ động trên miền rừng núi phía Tây của hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình, chủ yếu là tỉnh Quảng Bình. Đây là một vùng đất có vị thế hiểm yếu, núi non hiểm trở. Giữa hai tỉnh có một dãy núi cao bắt đầu

⁶. Nguyễn Quang Trung Tiến (2012), “Vua Hàm Nghi và Sơn triều chống Pháp ở Quảng Bình”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về Danh nhân Quảng Bình, tr.375.

trong dải Trường Sơn đi thẳng ra biển. Từ Hà Tĩnh đi vào Quảng Bình chỉ có thể đi bằng con đường thiên lý sát biển hoặc là bằng đường đèo Tân Ấp (tức đèo Bãi Đúc). Phía Tây của căn cứ giáp với Lào được ngăn cách bởi dãy núi Trường Sơn. Trên địa bàn rừng núi hiểm trở vẫn có một con đường thiên lý đi qua, được gọi là “thượng đạo”. Con đường này đi qua đèo Tân Ấp là nơi mà sông Ngàn Sâu (chảy về Bến Thủy) và sông Gianh (chảy về Quảng Khê) là hai nguồn sông cách nhau 15 cây số. Căn cứ của vua Hàm Nghi nằm trên thượng lưu của hai con sông này. Ở đây có nhiều khe suối và núi đồi phù hợp cho việc xây dựng căn cứ địa và đánh Pháp theo lối du kích chiến. Thực dân Pháp đã thừa nhận: “Địa thế này được chọn lấy một cách khéo léo, nó liên lạc giữa hai tỉnh, từ hàng mấy thế kỷ nay được nổi danh là đất nhà quan, đất sĩ phu; còn hơn là tỉnh khác, hai tỉnh này sẵn sàng chống lại uy quyền của ta”.⁷

Có thể nói, việc đưa cơ quan đầu não của phong trào Cần Vương vào miền núi phía Tây tỉnh Quảng Bình là một sự lựa chọn sáng suốt và khôn ngoan của những người lãnh đạo phong trào, đặc biệt là Tôn Thất Thuyết. Từ địa bàn này nếu tiến thì có thể làm chủ một khu vực rộng lớn và đông dân, có thể liên lạc thuận lợi mà bí mật được với các tỉnh phía Bắc, nơi có nhiều sĩ phu yêu nước và đông đảo nhân dân hưởng ứng phong trào Cần Vương rất mạnh mẽ. Nếu thoái thì có thể dựa vào một vùng núi non hiểm trở sát biên giới Việt - Lào, có thể bảo toàn lực lượng để chiến đấu lâu dài. Bên cạnh đó, lưu vực sông Gianh là một địa bàn rất thuận lợi để cơ động lực lượng. Từ phía vùng Thanh Thủy trở lên thì lưu vực sông bị chia cắt ra thành nhiều khúc bởi những vùng đồi núi lô nhô thỉnh thoảng bó hẹp đồng bằng. Trên những quả đồi này ta có thể bố trí những trạm gác có thể quan sát được địch từ rất xa, nghĩa quân có thể chủ động trước sự vận động của địch. Địa hình ở đây có núi cao, rừng rậm và gò đồi lẫn lộn, làng mạc nương rẫy, bản làng của đồng bào dân tộc Chứt và Mường phân bố ven theo chân núi, bờ đồi. Phía dưới các chân đồi là làng mạc của người Kinh. Cả lưu vực sông Gianh lúc đó có khoảng bốn vạn người, trong đó gồm nhiều thành phần tộc người. Trung tâm thương mại lớn nhất của cả vùng thời bấy giờ là chợ Đồn, mỗi tháng họp phiên 3 lần, mỗi lần có cả vạn người. Như vậy, sau hơn một tháng kể từ khi quyết định xuất thân, trải qua một cuộc hành trình gian nan, vất vả và nguy hiểm, từ kinh thành Huế ra Sơn phòng Quảng Trị rồi từ đó sang Lào, ra Hà Tĩnh và quay trở về Quảng Bình, có đủ cơ sở để khẳng định rằng phong trào kháng Pháp dưới danh nghĩa Cần Vương chỉ mới được bùng nổ chính thức từ khi Sơn triều Hàm Nghi đã đứng chân trên đất Quảng Bình. Nhân dân

⁷. Theo Trần Văn Giàu (2001), “Chống xâm lăng - Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1898”, Nxb Tp.Hồ Chí Minh, tr.574.

⁸. Đinh Xuân Lâm (1992), “Lịch sử Việt Nam 1858-1945”, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.21.

Quảng Bình “kẻ có thể, người có tiền, mộ phu binh lính, đổi nhà làm trường diển võ, mang cơ nghiệp ra giúp quân lương, bỏ cày cuốc cầm gươm súng”.⁸

Phát hiện được việc Sơn triều Hàm Nghi có kế hoạch di chuyển từ Hà Tĩnh vào vùng rừng núi Tuyên Hóa và Minh Hóa của tỉnh Quảng Bình, thực dân Pháp huy động lực lượng liên tục tấn công, bao vây, cô lập, tiến đến tiêu diệt lực lượng “Cần Vương”. Ngày 17 tháng 10 năm 1885, thiếu tướng Pháp là Prud’homme tổ chức lực lượng tập kích vào Ấu Sơn hòng truy bắt Hàm Nghi và đoàn hộ giá nhằm dập tắt phong trào kháng chiến nhưng Tôn Thất Thuyết đã kịp đưa Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng vào vùng Bãi Đức (nay là thôn Tân Đức, xã Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình) để tổ chức kháng chiến lâu dài. Tháng 11 năm 1885, vua Hàm Nghi từ Bãi Đức sau khi vượt qua xóm Tranh, làng Kim Trinh, tổng Thanh Lạng đến Quy Đạt. Nơi vua Hàm Nghi đóng đô thuộc huyện Tuyên Hóa, lúc đó gọi là châu Quỳnh Hợp.⁹

Sau 3 ngày nghỉ ngơi, đoàn xa giá dời về Cổ Liêm nhưng nhận thấy chỗ này không đóng quân được nên rút đến ở xóm Lim thuộc làng Ba Nương.

Vài ngày sau quân địch lại kéo đến truy quét căn cứ của Hàm Nghi. Lần này nghĩa quân “Cần Vương” chủ động tổ chức phục kích ở Cửa Kê, tiêu diệt một số tên, số còn lại vội vàng rút chạy về Quảng Khê. Trong khi thực dân Pháp tăng cường lực lượng truy tìm Hàm Nghi và trấn áp nghĩa quân Cần Vương thì lực lượng của Sơn triều Hàm Nghi được sự đùm bọc của nhân dân thường xuyên di chuyển trong một địa bàn rộng lớn ở thung lũng Ma Rai khiến cho địch không thể nào xác định được vị trí để tổ chức tập kích. Địa bàn Ma Rai là một địa bàn hiểm yếu, nằm lọt thỏm giữa một thung lũng hẹp bốn bên núi rừng cao và hiểm trở. Từ thung lũng này muốn rút lui chỉ có hai đường: vượt qua núi Pun về phía Tây, qua La Văn đến Khe Ve, hoặc vượt qua dãy Trường Sơn ở phía Nam theo ngã đèo Mụ Giạ (nay thuộc xã Dân Hoá, huyện Minh Hoá) để qua Lào. Trên địa bàn Khe Ve có rất nhiều hang động, nhờ đó vua Hàm Nghi gặp thuận lợi hơn trong việc đóng quân và cất giấu lương thực.¹⁰ Muốn đến vùng Khe Ve, phải qua hai dãy núi đá Ma Rai và Lập Cập rất hiểm trở. Nhân dân các tộc người ở đây tuy nghèo khổ vẫn mang lương thực đến ủng hộ

⁹. Vũ Huy Phúc, Phạm Quang Trung, Nguyễn Ngọc Cơ (2003), “Lịch sử Việt Nam 1858-1896”, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.659.

¹⁰. Theo học giả Nguyễn Quang Trung Tiến: Căn cứ Khe Ve trước đây thuộc phường Thanh Thiên, tổng Thanh Lạng, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình (ngày nay nằm trên tuyến đường 12A từ ngã ba Khe Ve, thuộc xóm Nhà Cột, thôn Thanh Long, xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, lên đèo Mụ Giạ giáp biên giới Việt Lào). Xem: Nguyễn Quang Trung Tiến. “Vua Hàm Nghi và Sơn triều kháng Pháp ở Quảng Bình”. Kỷ yếu Hội thảo quốc gia “Danh nhân Quảng Bình trong tiến trình lịch sử”, Quảng Bình, 2012, tr.380.

khá nhiều. Có lúc, thấy lương thảo của nhân dân mang đến ủng hộ nhiều quá, trong khi nhân dân vùng này rất nghèo, thường xuyên thiếu đói nên vua Hàm Nghi sai người đem tiền trả lại cho đồng bào.

Sau 3 tháng trú đóng trên địa bàn Ma Rai, đầu năm 1886, vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết nhận thấy địa bàn này đã bị quân Pháp phát hiện, có thể luôn luôn bị kích bất ngờ nên quyết định chọn địa điểm mới để xây dựng căn cứ phòng thủ vững chắc và ổn định hơn. Nghĩa quân Cần Vương đã hộ giá Hàm Nghi rút khỏi thung lũng Ma Rai đi về hướng tây qua núi Pun, theo đường La Văn về Tân Yên,¹¹ sau đó chuyển lên Tà Bảo, rồi Khe Ve thuộc tổng Thanh Lạng.¹² Tại đây quân Hàm Nghi xây đồn lũy bằng đất cao 2m để làm cứ điểm lâu dài. Quân đội của vua Hàm Nghi được nhân dân các làng lân cận cung cấp lương thực và tham gia công việc xây lũy, lập căn cứ, động viên thanh niên, trai tráng tham gia nghĩa quân, chuẩn bị kháng chiến lâu dài.¹³

Sự ủng hộ và tham gia nhiệt tình của nhân dân trong vùng đã động viên khích lệ mạnh mẽ tinh thần nghĩa dũng Cần Vương, lực lượng tham gia nghĩa quân ngày càng đông đảo. Các đồn trại vùng Thanh Thủy không thể chứa hết nghĩa quân nên Tôn Thất Thuyết phải chia nhỏ nghĩa quân thành từng tốp, tổ chức từng mũi tiến về hoạt động ở vùng đồng bằng, một mặt để dò la tin tức của giặc Pháp, mặt khác để tuyên truyền cho nhân dân chiến thắng bước đầu của quân ta, tranh thủ được nhiều hơn sự ủng hộ của nhân dân về nhân tài, vật lực.

Những chiến thắng liên tiếp của nghĩa quân “Cần Vương” đã khích lệ mạnh mẽ tinh thần của nghĩa quân và nhân dân. Tôn Thất Thuyết một mặt cho người đi truyền tin thông báo cho nhân dân biết về chiến thắng oanh liệt của quân ta để củng cố lòng tin vào cuộc kháng chiến, mặt khác tổ chức chinh đôn lực lượng, luyện tập quân sĩ để sẵn sàng đối phó với âm mưu mới của thực dân Pháp. Đồng thời, Tôn Thất Thuyết và những người lãnh đạo còn chăm lo đến sản xuất, dự trữ lương thực cho kháng chiến lâu dài. Ông ra lệnh cho quân sĩ không được giết, ăn thịt trâu, bò của dân để đảm bảo sức kéo cho sản xuất, nghĩa quân không ai được nhũng nhiễu nhân dân. Ai vi phạm sẽ bị xử nghiêm theo luật đã quy định. Những tên phản quốc bị trừng trị đích đáng. Nạn thổ phỉ quấy nhiễu trong vùng cũng được nghĩa quân dẹp yên.¹⁴

Cuối tháng giêng năm 1886, thực dân Pháp lại huy động lực lượng tiếp tục

¹¹. Tân Yên nay thuộc xã Hóa Tiên, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

¹². Tà Bảo, Khe Ve thuộc tổng Thanh Lạng xưa, nay thuộc xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

¹³. Nguyễn Thị Ánh Minh (2007), “Phong trào Cần Vương ở Quảng Bình”, Luận văn ThS. Sử học, Đại học Đà Lạt, tr.54.

¹⁴. Nguyễn Thị Ánh Minh (2007), “Phong trào Cần Vương ở Quảng Bình”, Luận văn ThS. Sử học, Đại học Đà Lạt, tr.55.

tấn công vào bộ chỉ huy phong trào Cần Vương tại Quảng Bình. Lần này quân Pháp chia làm 2 cánh, tạo thành một vòng cung bao vây nghĩa quân “Cần Vương”. Tại đây, quân của Pelletier vấp phải sự kháng cự quyết liệt bằng cung nỏ của toán quân bảo vệ vua Hàm Nghi, bị tổn thất rất lớn và không tìm được lối thoát. Sau trận này, vua Hàm Nghi thường xuyên luân chuyển, khi thì ở Ma Rai, khi thì về Thanh Cước, lúc lại sang Khe Ve, quanh quẩn mãi trong vùng rừng núi phía Tây Quảng Bình, Hà Tĩnh và Cam Môn (thuộc Lào).

Sau thất bại của các cuộc hành quân truy quét vào căn cứ của Sơn triều Hàm Nghi cuối năm 1885, nửa đầu năm 1886, thực dân Pháp đã bắt lực trong việc dùng lực lượng quân sự vây bắt Hàm Nghi và tiêu diệt lực lượng khởi nghĩa. Từ đó chúng quay sang sử dụng chiến thuật mới, vừa bao vây, cô lập, vừa thuyết phục, dụ dỗ và chia rẽ nội bộ để làm tan rã phong trào Cần Vương.

Sau khi lực lượng quân Pháp rút khỏi vùng rừng núi, bộ tham mưu Sơn triều Hàm Nghi đã bắt đầu củng cố tổ chức, mở rộng địa bàn kháng chiến ra toàn tỉnh và từ đây gây ảnh hưởng ra cả nước. Để tăng cường sức mạnh cho các đội nghĩa binh, Hàm Nghi đã phong chức cho các thủ lĩnh và phân công địa bàn phụ trách phong trào “Cần Vương” kháng Pháp trong cả nước. Nghĩa quân Cần Vương dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước đã lập nhiều căn cứ kháng Pháp, tổ chức tập kích và các cơ sở đồn trú và đánh bại một số cuộc hành quân càn quét, gây cho chúng nhiều tổn thất. Nghĩa quân “Cần Vương” đã nhanh chóng bổ sung lại lực lượng, tiến đánh một số cơ sở đồn trú còn lại của Pháp, buộc chúng phải rút khỏi phần lớn các vị trí quan trọng ở lưu vực hai con sông Ngân Sâu và sông Gianh. Từ đó nghĩa quân đánh xuống vùng đồng bằng, nhiều lần công hãm đồn Quảng Khê, Roòn, chợ Đồn và một lần công hãm thành Đồng Hới.¹⁵

Dưới áp lực của thực dân Pháp, để trấn an tình hình, ngự triều ở Huế đã tổ chức cho Đồng Khánh một cuộc “Bắc tuần” để phủ dụ vua Hàm Nghi và những quan lại thu quân quay về Huế để “cho yên việc đánh dẹp” nhưng âm mưu này cũng thất bại.¹⁶ Từ cuối năm 1886, phong trào đấu tranh chống Pháp dưới danh nghĩa Cần Vương trên địa bàn Quảng Bình bước sang một giai đoạn mới, quy mô phong trào không còn đóng khung trong địa bàn huyện Minh Hóa và Tuyên Hóa mà mở rộng ra khắp toàn tỉnh.

Học giả Đặng Huy Vận nhận định: “... So với các tỉnh khác, cuộc kháng chiến ở Quảng Bình do điều kiện lịch sử và địa lý đặc biệt đã có những màu sắc

¹⁵. Trần Văn Giàu (2001): “Chống xâm lăng – Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1898”, Nxb Tp.Hồ Chí Minh, tr.576.

¹⁶. Trần Trọng Kim (2002), “Việt Nam sử lược”, Nxb Văn hóa Thông tin, tr.589.

riêng. Cuộc kháng chiến ở đây quy tụ xung quanh cái gọi là “triều đình Hàm Nghi” nhưng tính chất nhân dân của phong trào không hề bị mờ nhạt”.¹⁷

Trong điều kiện sự phân hóa xã hội thời kỳ này diễn ra chưa thật mạnh mẽ, ngọn cờ bảo vệ nền độc lập dân tộc vẫn đang nằm trong tay tầng lớp yêu nước tiến bộ trong giai cấp phong kiến thì vai trò của “Sơn triều Hàm Nghi” vẫn còn hết sức quan trọng. Trước khi có phong trào “Cần Vương”, các cuộc khởi nghĩa của nhân dân nổ ra dưới bất kỳ một hình thức nào chống lại thực dân Pháp đều bị triều đình ngăn cản. Các triều vua trước Hàm Nghi đã nhiều lần ra lệnh triệt quân, triệu hồi các quan lại, sĩ phu, văn thân có tinh thần chống Pháp về triều để vô hiệu hóa họ. Vì thế, lời hiệu triệu Cần Vương lúc ấy có tác dụng tập hợp toàn thể nhân dân trong cả nước đứng lên dưới một ngọn cờ. Lần đầu tiên một lực lượng có tinh thần dân tộc, yêu nước trong triều đình nhà Nguyễn chính thức phát động, hô hào nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, bảo vệ nền độc lập dân tộc, có một danh nghĩa chính thức trên quy mô toàn quốc, dù chỉ do một bộ phận trong triều đình phong kiến phát động. Nhân dân cả nước đã hưởng ứng phong trào “Cần Vương” với một khí thế mới, trong đó nhân dân Quảng Bình đã gánh vác sứ mệnh quan trọng là địa bàn đầu não, nơi đặt bộ chỉ huy trung tâm của phong trào “Cần Vương”. Chỗ dựa của “Sơn triều Hàm Nghi” chính là phong trào đấu tranh kháng Pháp mạnh mẽ của nhân dân trong cả nước mà trước hết là sự hưởng ứng kịp thời và mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân Quảng Bình trong đó tâm điểm của phong trào là địa bàn huyện Minh Hóa. Những nghĩa dũng của phong trào “Cần Vương” ở Quảng Bình như Nguyễn Phạm Tuấn, Lê Trực, Đoàn Chí Tuấn, Mai Lượng, Lê Mô Khởi, Đề Ân, Đề Chít, Hoàng Phúc... vốn là những người có uy tín trong nhân dân nên khi họ lên tiếng kêu gọi mộ quân, tập hợp lực lượng, đông đảo nhân dân đã đi theo. Chính những đội nghĩa quân đóng ở khắp các nơi trong tỉnh Quảng Bình đã kết thành một mạng lưới vây bọc quân thù, nhiều phen gây cho chúng những tổn thất to lớn. Giặc Pháp ráo riết điều động quân đội đến đây nhằm tìm ra nơi trú ẩn của Hàm Nghi, bắt vị vua ấy về triều, hy vọng nhanh chóng ngăn chặn phong trào kháng Pháp đang ngày một lan. Mặc dù Sơn triều Hàm Nghi thường xuyên bị địch truy quét, nhưng hết lần này đến lần khác ông vua trẻ tuổi ấy vẫn thoát khỏi sự truy lùng gắt gao của thực dân Pháp chính là nhờ phòng tuyến nhân dân. Nhân dân là tai mắt, là người cung cấp lương thực nuôi sống bộ máy Sơn triều Hàm Nghi, không ngại hy sinh, dũng cảm chiến đấu bảo vệ được sự an toàn của vua Hàm Nghi. Triều đình Hàm Nghi đã dựa

¹⁷. Đặng Huy Vận (1968), “Về cuộc kháng chiến kiên cường và anh dũng của nhân dân Quảng Bình cuối thế kỷ thứ XIX”, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 106, tháng 1 năm 1968.

vào phong trào kháng Pháp của nhân dân mà tồn tại.

Qua 3 năm kháng chiến anh dũng và sôi nổi của nhân dân Quảng Bình dưới ngọn cờ “Cần Vương”, có thể thấy về thực chất đây là cuộc khởi nghĩa của nhân dân chống Pháp dưới sự lãnh đạo của những sĩ phu yêu nước mà Hàm Nghi và “Cần Vương” là danh nghĩa để tập hợp lực lượng. Nguồn gốc sức mạnh của phong trào ấy chính là của nhân dân chủ yếu là nông dân Quảng Bình trong cuộc chiến chống lại thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ xóm làng, quê hương mà Minh Hóa chính là địa bàn trực tiếp của Sơn triều Hàm Nghi. Triều đình Hàm Nghi nhỏ bé ấy đã dựa vào phong trào mạnh mẽ, rộng lớn của nhân dân mà tồn tại và phong trào Cần Vương của nhân dân cả nước nói chung, của nhân dân Minh Hóa, Tuyên Hóa và các địa phương ở Quảng Bình nói riêng chính là gạch nối để ngọn lửa yêu nước không những không bị gián đoạn mà còn có cơ hội bùng phát trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc giai đoạn sau.